

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN TUYẾN HOÁ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 8 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYẾN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thái Thiên Lương và bà Hoàng Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình:**  
Không tham gia.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐST- HNGĐ ngày 29/7/2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị Thúy V**, sinh năm: 1993

Trú tại: **Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình** (có mặt)

**Bị đơn:** Anh **Phạm Đức H**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: **Thôn E T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 28/6/2024, bản tự khai ngày 26/7/2024 và tại phiên tòa chị **Bùi Thị Thúy V** trình bày: chị và anh **Phạm Đức H** kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình** vào ngày 29/7/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tại nhà tập thể nơi chị **V** làm việc (**Trường THCS V1, huyện M, tỉnh Quảng Bình**). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, gia đình sống không hạnh phúc, thỉnh thoảng anh **H** còn đánh đập chị **V**, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay, anh **H** đang đi làm ăn ở **miền N** chị **V**

không rõ địa chỉ cụ thể. Hiện nay, chị **V** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng của chị **Bùi Thị Thúy V** xin được ly hôn với anh **Phạm Đức H**.

Về con chung: Chị **Bùi Thị Thúy V** trình bày vợ chồng có 01 con chung tên là **Phạm Đức Quang A**, sinh ngày 05/12/2022, hiện đang sống cùng chị **V**. Sau khi ly hôn, chị **V** có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Theo lời trình bày của chị **V** vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các bên đương sự đến tại Tòa án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhằm giúp vợ chồng khắc phục khuyết điểm nhưng chỉ có mặt nguyên đơn chị **Bùi Thị Thúy V**, vắng mặt bị đơn anh **Phạm Đức H** nên Tòa án không thể thực hiện việc hoà giải cho các đương sự.

Ngày 30/7/2024 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa nhận được Bản trình bày ý kiến và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh **Phạm Đức H** có xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh **H** cư trú, anh **H** trình bày: về quan hệ hôn nhân: anh **H** đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **Bùi Thị Thúy V**; về con chung: anh **H** thừa nhận vợ chồng có một con chung là **Phạm Đức Quang A**, anh **H** đồng ý giao con cho chị **V** nuôi dưỡng, tuy nhiên không nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng vì thời điểm hiện tại bản thân anh **H** đang thất nghiệp, chưa có thu nhập để phục vụ cuộc sống. Vì vậy, anh **H** không đồng ý mức đề nghị chu cấp tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng của chị **V**. Anh **H** đề xuất mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng hoặc theo quy định của pháp luật. Về tài sản và nợ chung, anh **H** thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh **H** trình bày vì lý do sức khỏe, ở xa và đang trong tình trạng thất nghiệp nên không thể về tại Tòa án để tham gia phiên tòa được nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 29/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị **V** giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh **H** vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2024 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn trở lại, chị **V** có nguyện vọng nuôi con là cháu **Phạm Đức Quang A** và yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Thúy V** và anh **Phạm Đức H** tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại khu tập thể nơi chị **V** làm việc (Trường THCS V1, huyện M, tỉnh Quảng Bình). Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng đậm ấm

hạnh phúc, nhưng đến 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, hiện nay vợ chồng mỗi người sống một nơi nên không thể khắc phục mâu thuẫn hàn gắn tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay, hai bên bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Chị **V** nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên có nguyện vọng xin được ly hôn với anh **Phạm Đức H** để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án anh **Phạm Đức H** vắng mặt, nên Toà án không thể tiến hành hoà giải để giúp vợ chồng khắc phục khuyết điểm trở về đoàn tụ. Tại phiên toà anh **H** vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì lý do sức khỏe, ở xa hiện tại không có công việc ổn định nên không thể về tại Toà án để giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị **V**. Vì vậy, anh **H** có đề nghị Toà án xét xử vắng mặt và cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **V**. Xét việc vắng mặt của anh **H** tại phiên toà hôm nay là trường hợp bất khả kháng, lý do vắng mặt của anh **H** là chính đáng.

Xét tình trạng vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân với nhau, hai bên bỏ mặc không quan tâm lẫn nhau. Hiện tại, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nếu duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho cả hai phía, nguyện vọng xin ly hôn của chị **Bùi Thị Thúy V** là chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xử vắng mặt anh **Phạm Đức H** và cho chị **Bùi Thị Thúy V** được ly hôn anh **Phạm Đức H**.

[2] Về con chung của vợ chồng: Chị **Bùi Thị Thúy V** và anh **Phạm Đức H** có 01 con chung tên là **Phạm Đức Quang A**, sinh ngày 05/12/2022 hiện cháu đang sống cùng chị **V**, sau khi ly hôn chị **V** có nguyện vọng được nuôi con, anh **H** cũng đồng ý giao con cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng của chị **V** là chính đáng phù hợp với ý kiến của anh **H**, cháu **Phạm Đức Quang A** hiện đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, hiện tại cháu sống ổn định cùng chị **V** nên cần giao con cho chị **V** nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu **Phạm Đức Quang A** cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị **V** có yêu cầu anh **H** cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh **H** trình bày do hiện tại công việc không ổn định, đang thất nghiệp không có thu nhập nên đề xuất mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của anh **H** hiện anh đang thất nghiệp, không có thu nhập, đồng thời chị **V** cũng không chứng minh được mức thu nhập hàng tháng của anh **H**. Do đó, đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con của chị **V** đối với anh **H** mỗi tháng 3.000.000 đồng là chưa phù hợp với điều kiện tại của anh **H**. Hội đồng xét xử xét thấy, cần xem xét và điều chỉnh mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng mỗi tháng là phù hợp với điều kiện mức kinh tế và thu nhập của anh **H**. Vì vậy,

cần áp dụng Điều 110 và Điều 111 Luật hôn nhân và gia đình, buộc anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian tính từ tháng 9 năm 2024.

[3] Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: chị **Bùi Thị Thúy V** và anh **Phạm Đức H** thừa nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Bùi Thị Thúy V** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá theo biên lai số 0000119 ngày 12 tháng 7 năm 2024 nay phải chịu toàn bộ khoản án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh **Phạm Đức H** phải chịu 300.000 đồng.

Từ những căn cứ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 110 và Điều 111 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử vắng mặt anh **Phạm Đức H**.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị Thúy V** được ly hôn anh **Phạm Đức H**.

3. Về con chung: Xử giao cho chị **Bùi Thị Thúy V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Phạm Đức Quang A**, sinh ngày 05/12/2022. Buộc anh **Phạm Đức H** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu **Phạm Đức Quang A** đủ 18 tuổi.

Chị **V** không được ngăn cản việc đi lại, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung của anh **H**, khi cần thiết vì lợi ích của con, anh **H** có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị **Bùi Thị Thúy V** phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **V** đã nộp theo biên lai thu tiền số 000119 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa. Vậy, chị **V** đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh **Phạm Đức H** phải chịu 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (15/7/2024). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình** nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- Đương sự;
- UBND xã Ngân Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(đã ký)

**Đoàn Thị Bích Thủy**